TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:64/2023/HNGĐ
Ngày: 31-7-2023
Tranh chấp: ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị
2. Ông Võ Đức Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996. Địa chỉ: 39 Ô 4 ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Trần Tấn T1, sinh năm 1990. Địa chỉ: 39 Ô 4 ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Do quen biết tự tìm hiểu nên bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trần Tấn T1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M huyện T tỉnh Long An vào ngày 17/9/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng đến tháng 06/2023 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là ông T1 có hành vi đánh đập bà T, bất đồng về chi tiêu tiền bạc, không hòa thuận với cha mẹ chồng và vợ chồng thường xuyên cự cãi. Ngày 15/6/2023 thì bà T đã dọn đồ về nhà cha mẹ ruột ở ấp Phước Tiên xã Thông Bình huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp ở nên bà T ông T1 ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T1.

Quan hệ con chung: có 02 con chung tên Trần Ngọc Lan K sinh ngày 29/6/2015 và Trần Ngọc Lan H sinh ngày 31/5/2019, từ khi bà T, ông T1 ly thân đến nay thì con chung sống cùng với ông bà Ngoại tại ấp Phước Tiên xã Thông Bình huyện Tân Hồng tỉnh Đồng Tháp còn bà T ở trọ tại thành phố Tân An, tỉnh Long An để đi làm công nhân ở cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn thành phố Tân An; cuối tuần vào ngày chủ nhật thì bà về nhà cha mẹ ruột để thăm các con, thu nhập bình quân của bà T ổn định khoảng 08 triệu/tháng. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án giao 02 con cho bà T nuôi dưỡng thì bà sẽ về quê xin việc làm để tiện chăm sóc cho các con, trường hợp Tòa án giao con cho ông T1 nuôi thì bà T đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Quan hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan hệ nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Tấn T1 trình bày: Ông T1 thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, con chung, nợ chung.

Ông T1 đồng ý ly hôn với bà T vì quá trình chung sống giữa ông và bà T có nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng có bất đồng quan điểm trong chi tiêu sinh hoạt hằng ngày nên thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông T1 và bà T đã sống ly thân từ ngày 15/6/2023 cho đến nay, bà T đã dọn đồ dẫn theo 02 con đi về nhà cha mẹ bà T từ khi ly thân.

Quan hệ con chung: có 02 con chung tên Trần Ngọc Lan K sinh ngày 29/6/2015 và Trần Ngọc Lan H sinh ngày 31/5/2019. Trước đây các con sống cùng với ông T1 bà T tại nhà của cha mẹ ông T1 do ông T1 là con út trong gia đình, cháu Khuê đã học xong chương trình lớp 2 tại trường Tiểu học Mỹ An còn cháu Hương trước đây do bà Nội và ông T1 chăm sóc để bà T đi làm. Từ khi ly thân thì bà T dẫn theo 02 con về nhà ngoại ở, còn bà T thì ở trọ đi làm nên 02 con do ông bà Ngoại chăm sóc, ông T1 có nhiều lần gọi điện thoại để gặp con nhưng ông bà ngoại không nghe máy chứ ông không đến thăm con. Khi ly hôn ông T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con vì bà T không ở gần chăm sóc con mà để ông bà Ngoại chăm sóc hơn nữa nhà ông bà Ngoại ở gần với biên giới nên điều kiện học tập phát triển của các con không đảm bảo; nếu giao con cho ông T1 nuôi dưỡng thì ông T1 không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng thì ông T1 đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện ông T1 ở nhà phụ giúp cha mẹ làm ruộng khoảng 03-04 mẫu ruộng của cha mẹ ông T1 và làm chung với anh chị em trong nhà; ngoài ra ông có đi làm thuê, thu nhập một vụ khoảng 50-60 triệu, một năm khoảng 02 vụ.

Quan hệ tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan hệ nợ chung: không có.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông T1 đồng ý ly hôn nhưng các bên tranh chấp về quyền nuôi con chung nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông T1 đồng ý ly hôn nhưng tranh chấp về việc nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trần Tấn T1 có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn, ông T1 đang cư trú tại ấp 1, xã M, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 xác định ông bà đã xảy ra mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà T và ông T1 thuận tình ly hôn nên HĐXX ghi nhận.

Về con chung: Xét thấy cháu Hương và cháu Khuê hiện còn nhỏ đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Khuê trên 7 tuổi có nguyên vọng muốn sống chung với bà T. Mặt khác bà T chứng minh được có thu nhập ổn định với mức lương 6.000.000đ/tháng; ông T1 chỉ trình bày mà không chứng minh được thu nhập ổn định. Dù giao con chung cho ai thì cũng do ông bà hai bên chăm sóc do bà T và ông T1 còn phải đi làm việc kiếm sống. Hơn nữa nếu tách 02 con chung ra giao cho cha hoặc mẹ chẳng những con chung sẽ thiếu hụt tình thương sự chăm sóc của cha hoặc mẹ thì con chung còn thiếu thốn cả tình cảm chị em. Hai cháu Hương và Khuê có giới tính nữ, quá trình trưởng thành rất cần có một người mẹ bên cạnh chăm sóc hướng dẫn. Do đó HĐXX giao 02 cong chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông T1 tự nguyện cấp dưỡng theo quy định pháp luật nên ghi nhận. Buộc ông T1 cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 900.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: Bà T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và ông T1 chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Trần Tấn T1.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trần Tấn T1.

Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Cẩm T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Lan K sinh ngày 29/6/2015 và Trần Ngọc Lan H sinh ngày 31/5/2019 đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Trần Tấn T1 cấp dưỡng con chung Trần Ngọc Lan K mỗi tháng 900.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Buộc ông Trần Tấn T1 cấp dưỡng con chung Trần Ngọc Lan H mỗi tháng 900.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng ông T1 được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm T chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004024 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm T 150.000đ án phí còn thừa. Ông Trần Tấn T1 chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ An
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương